

DANH MỤC THUỐC MUA, BÁN TẠI NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN NĂM 2026

(Đính kèm thông báo số: 226/TB-BVTT ngày 28 tháng 5 năm 2026 của bệnh viện

Tâm thần thành phố Cần Thơ)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
1	Agomelatine	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Nhóm 5
2	Amisulprid	200mg	Uống	viên	Viên	Nhóm 2
3	Amisulprid	400mg	Uống	viên	Viên	Nhóm 2
4	Amisulprid	100mg	Uống	viên	Viên	Nhóm 2
5	Amitriptylin hydroclorid	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Nhóm 2
6	Amitriptylin hydroclorid	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Nhóm 1
7	Amitriptylin hydroclorid	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Nhóm 4
8	Aripiprazole	5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
9	Aripiprazol	5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
10	Aripiprazole	10mg	Uống	Viên nén	Viên	Nhóm 2
11	Aripiprazole	15 mg	Uống	Viên nén	Viên	Nhóm 2
12	Benfotiamin	150 mg	Uống	Viên nén bao đường	Viên	Nhóm 4
13	Betahistin dihydrochloride	8mg	Uống	Viên nén	Viên	Nhóm 2
14	Betahistin mesilat	12mg	Uống	Viên nén	Viên	Nhóm 4
15	Cao khô lá bạch quả (Extractum (Folii) Ginkgonis bilobae siccum) (tương đương với 4,4g lá bạch quả)	80mg	Uống	Dung dịch uống	Óng	Nhóm 4
16	Cao khô lá bạch quả (Ginkgo flavonol glucoside toàn phần 28,8mg)	120 mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 2
17	Cao bạch quả, vitamin B1, B2, B6, PP	40mg, 10mg, 5mg, 5mg, 10mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	Nhóm 4

	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
18	Cao khô Ginkgo biloba 40 mg; Magnesi lactat dihydrat 470 mg; Pyridoxin hydroclorid 5 mg	40mg, 470mg, 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Nhóm 4
19	Cao khô lá bạch quả (tương đương không dưới 28,8mg flavonoid toàn phần)	120mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Nhóm 4
20	Cao khô rễ Valerian 445mg	445mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	Nhóm 4
21	Cao nhân sâm 40mg, Cao Bạch quả 40mg, Tinh dầu tỏi 10mg	40mg 40mg 10mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	Nhóm 2
22	Citalopram	20mg	Uống	Hộp/ 3 vỉ x 10 viên	Viên	Nhóm 2
23	Clorpromazin hydroclorid	25mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	Nhóm 4
24	Clozapin	100mg	Uống	Hộp/ 5 vỉ x 10 viên	Viên	Nhóm 4
25	Clozapine	100mg	Uống	Hộp 5 vỉ x 10 viên, Viên nén	Viên	Nhóm 1
26	Clozapine	100mg	Uống	Hộp 5 vỉ x 10 viên, Viên nén	Viên	Nhóm 1
27	Cholin alfoscerat	400mg	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Viên nang mềm	Viên	Nhóm 2
28	Cholin alfoscerat	400mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	Nhóm 4
29	Dexlansoprazol	Dưới dạng pellet dexlansoprazol 20% / 60mg	Uống	Viên nang cứng chứa pellet bao tan trong ruột	Viên	Nhóm 4
30	Docusat Natri	100mg	Uống	Viên nén	Viên	Nhóm 4
31	Donepezil hydroclorid	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Nhóm 2

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
32	Donepezil hydroclorid	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Nhóm 2
33	Donepezil hydroclorid	5mg	Uống	Viên nén phân tán	Viên	Nhóm 4
34	Donepezil hydroclorid	3mg	Uống	Viên nén	Viên	Nhóm 4
35	Duloxetine (dưới dạng vi hạt duloxetine hydroclorid bao tan trong ruột)	30mg	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	Nhóm 4
36	Escitalopram	10mg	Uống	Hộp/ 5 vi x 10 viên	Viên	Nhóm 4
37	Escitalopram	20mg	Uống	Hộp/ 3 vi x 10 viên	Viên	Nhóm 4
38	Escitalopram (dưới dạng Escitalopram oxalate)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Nhóm 2
39	Escitalopram (dưới dạng Escitalopram oxalate)	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Nhóm 2
40	Esomeprazol (dưới dạng esomeprazole magnesi dibydrat pellet 8,5%kl/kl)	40mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 4
41	Eszopiclon	3mg	Uống	Hộp/ 6 vi x 10 viên	Viên	Nhóm 2
42	Eszopiclon	2mg	Uống	Hộp/ 3 vi x 10 viên	Viên	Nhóm 2
43	Fluoxetin	20mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	Nhóm 2
44	Fluoxetin	20mg	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên nang cứng	Nhóm 1
45	Fluoxetin (dưới dạng fluoxetin hydroclorid)	20mg	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	Viên	Nhóm 4
46	Fluvoxamin maleat	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Nhóm 4

ĂN
ĂN
ĂN
ĂN

ST	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
47	Galantamin	4mg	Uống	Hộp/ 3 vỉ x 10 viên	Viên	Nhóm 2
48	Ginkgo biloba	120mg	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Viên nang mềm	Viên	Nhóm 2
49	Haloperidol	3mg	Uống	Viên nén	Viên	Nhóm 4
50	Haloperidol	5mg/1 ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	Nhóm 4
51	Haloperidol	2 mg	Uống	Viên nén	Viên	Nhóm 2
52	Lá sen, Lá vông nem, Lạc tiên, Bình vôi, Trinh nữ.	Cao Bình vôi 49,5mg tương đương với: Bình vôi 150mg; Cao Mimosa 242mg tương đương với: Lá Sen 180mg; Lạc tiên 600mg; Lá vông nem 600mg; Trinh nữ 638mg.	uống	Viên nén bao phim	viên	Nhóm 2
53	Actiso, Rau đắng đất, Bìm bìm biếc, Diệp hạ châu	400mg; 400mg; 400mg; 400mg.	uống	Viên nang cứng	viên	Nhóm 3
54	Lá sen, Lá vông, Lạc tiên, Tâm sen, Bình vôi	650mg; 500mg; 650mg; 150mg; 1200mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	Nhóm 2
55	Lạc tiên, Vông nem, Lá dâu	5000mg 3000mg 1000mg	Uống	Cao lỏng	Ống	Nhóm 3
56	Lamotrigin	100mg	Uống	Hộp/ 3 vỉ x 10 viên	Viên	Nhóm 4
57	Levetiracetam	750mg	Uống	Hộp/ 3 vỉ x 10 viên	Viên	Nhóm 2
58	Levetiracetam	500mg	Uống	Hộp/ 6 vỉ x 10 viên	Viên	Nhóm 2

VIỆ
HÀ
I P
TH

T	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
59	Levetiracetam	250mg	Uống	Hộp/ 3 vỉ x 10 viên	Viên	Nhóm 2
60	Levetiracetam	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Nhóm 1
61	Levomepromazin	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Nhóm 3
62	Levomepromazin maleat	50mg	Uống	Viên nén	Viên	Nhóm 4
63	Levosulpirid	50mg	Uống	Viên nén	Viên	Nhóm 4
64	Levosulpirid	25mg	Uống	Viên nén	Viên	Nhóm 4
65	Levosulpirid	50mg	Uống	Hộp/ 3 vỉ x 10 viên	Viên	Nhóm 2
66	L-Ornithine-L-Aspartate	500mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	Nhóm 4
67	L-Ornithin-L-Aspartat; DL - Alpha tocopheryl acetat	80mg; 50mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	Nhóm 4
68	Losartan	12,5mg	Uống	Hộp 4 vỉ x 7 viên	viên	Nhóm 2
69	Lysin hydroclorid Vitamin B1 Vitamin B2 Vitamin B6 Vitamin D3 Vitamin E Vitamin PP Dexpanthnol Calci	200 mg 2mg 2,3mg 4mg 266,7 IU 10 mg 13,3mg 6,7mg 86,7mg)/10ml	Uống	Siro thuốc	Ống	Nhóm 4
70	Magnesium Valproate	200mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Viên	Nhóm 2
71	Mecobalamin	500mcg	Uống	Viên nén bao đường	Viên	Nhóm 4
72	Melatonin	5mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	Nhóm 4
73	Methylphenidat Hydroclorid 10 mg	10 mg	Uống	Viên nang giải phóng biến đổi	Viên	Nhóm 1

HỆ THỐNG QUẢN LÝ THÔNG TIN